

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/3/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tâm**

2. Bà **Nguyễn Thị L**

Thư ký phiên tòa: Ông **La Tương Lai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 301/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Trần Thị Kim L**, sinh năm XXXX. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp Y, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** **Huỳnh Văn M**, sinh năm XXXX. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 28/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị Kim L** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh M kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng vài năm nay phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nguyên nhân do anh M thường xuyên uống rượu, ăn chơi, cờ bạc gây nợ, chị nhiều lần khuyên nhưng anh không nghe và thường xảy ra cự cãi. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 03 con chung tên **Huỳnh Thị Cẩm TR**, sinh ngày xx/xx/xxxx; **Huỳnh Thị Cẩm TH**, sinh ngày xx/xx/xxxx và **Huỳnh**

Thanh N, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Văn M trình bày:*

Anh thông nhất với lời trình bày của chị L, vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung: Anh đồng ý giao 03 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim L, chị L được ly hôn với anh Huỳnh Văn M. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị L, giao 03 con chung tên Huỳnh Thị Cẩm TR, sinh ngày xx/xx/xxxx; Huỳnh Thị Cẩm TH, sinh ngày xx/xx/xxxx và Huỳnh Thanh N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, nhận thấy:

Vợ chồng chị kết hôn năm 2005, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 18/8/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế từ khoảng vài năm gần đây, nguyên nhân do anh M ăn chơi, cờ bạc gây nợ, chị nhiều lần góp ý nhưng chồng không nghe; từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm dần rạn nứt và ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Về phía anh M cũng thừa nhận vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng vì thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án có hòa giải,

động viên anh chị hàn gắn và để cho anh chị có thời gian để tìm giải pháp hàn gắn nhưng cho đến nay anh M vẫn không thuyết phục được chị L quay về đoàn tụ cùng anh tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình mà chị L vẫn kiên quyết ly hôn. Từ những tình tiết nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn với anh M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống có 03 người con chung và hiện các con do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị L là được tiếp tục nuôi dưỡng các con, nhận thấy do anh M làm nghề đi ghe biển sẽ không thuận tiện trong việc quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như chị L; hơn nữa các cháu đều là con gái và đều có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ nên yêu cầu này của chị L là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim L, cho chị L được ly hôn với anh Huỳnh Văn M.

2. Về nuôi con chung:

- Giao 03 con chung tên Huỳnh Thị Cẩm TR, sinh ngày xx/xx/xxxx; Huỳnh Thị Cẩm TH, sinh ngày xx/xx/xxxx và Huỳnh Thanh N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007418 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên